

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
HỆ THỐNG HỆ THỐNG THÔNG TIN
GIẢI QUYẾT TTHC**

QUẢN TRỊ BIỂU MẪU ĐIỆN TỬ

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA	3
1.1. ĐỊNH NGHĨA BIỂU MẪU	3
1.2. ĐỊNH NGHĨA COL, ROW, CONTROL.....	3
CHƯƠNG 2: THÊM MỚI BIỂU MẪU	4
2.1. TẠO BIỂU MẪU RỖNG	4
2.2. THÊM ELEMENT VÀO BIỂU MẪU	5
2.3. CHỈNH SỬA ELEMENT (PROPERTY).....	6
2.4. CẤU HÌNH SELECT BOX LẤY DANH MỤC CÓ SẴN	6
2.5. XÓA ROW – CONTROL - ELEMENT	8
2.6. XÓA BIỂU MẪU	9
2.7. COPY BIỂU MẪU CÓ SẴN	9
CHƯƠNG 3: GÁN TIÊU CHÍ SEARCH CHO BIỂU MẪU	10
3.1. BƯỚC 1 - TẠO TIÊU CHÍ SEARCH.....	10
3.2. BƯỚC 2 – GÁN TIÊU CHÍ SEARCH CHO ELEMENT	10
3.3. BƯỚC 3 – GÁN THÔNG TIN CÔNG DÂN TỪ CSDLQG VỀ DÂN CƯ.....	11
CHƯƠNG 4: TẠO FILE MẪU XUẤT GCN/GP/TK	14
4.1. TẠO FILE	14
4.2. ĐÍNH KÈM FILE VÀO GIẤY TỜ.....	15
CHƯƠNG 5: QUY TRÌNH CẤU HÌNH XUẤT FILE TỪ BIỂU MẪU	16
CHƯƠNG 6: QUY TẮC ĐẶT BIẾN TRONG FILE MẪU XUẤT RA	17
6.1. BIẾN LẤY TỪ BIỂU MẪU	17
6.2. BIẾN LẤY TỪ HỒ SƠ.....	18

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA

1.1. Định nghĩa biểu mẫu

- Định nghĩa: Biểu mẫu (form) là những mẫu đơn được tạo sẵn trong các giấy tờ như mẫu Giấy khai sinh, Đơn xin cấp giấy phép đăng ký kinh doanh,... có các ô để nhập liệu về Họ tên, ngày sinh, địa chỉ, số CMND, hoặc các thông tin khác....Giúp người nộp hồ sơ không cần tải về mẫu đơn mà có thể điền thông tin trực tiếp trên web khi nộp online hoặc giúp cán bộ điền thông tin ngay lúc khởi tạo hồ sơ.
- Biểu mẫu (BM) của giấy tờ. Ví dụ giấy tờ có tên Giấy đăng ký kinh doanh, thì sẽ tạo ra BM có dạng như một tờ đơn xin cấp giấy phép kinh doanh với những ô có sẵn, người dùng chỉ việc điền dữ liệu vào và nộp hồ sơ. Thủ tục nào có giấy tờ này thì mới có form để điền và ngược lại. Tạo form cho giấy tờ thường sử dụng nhiều trên hệ thống.

1.2. Định nghĩa Col, Row, Control

- Row là 1 dòng, 1 hàng, 1 Row thường chứa 12 Colum (cột) hoặc hơn nữa.
- Col là Column, 1 Col chứa 1 hoặc nhiều Element (kiểu nhập liệu).
- Element là các kiểu nhập dữ liệu gồm có: Text, Label, Textarea, Checkbox, Date, Radio, Select, List, Table được thêm vào các Col để tạo ra biểu mẫu nhập liệu.
 - + Text: Thường dùng cho các ô nhập họ tên, nơi sinh, CMND. Bên trong cấu hình của Control Text này có thể lựa chọn ràng buộc người nhập là kiểu CMND, kiểu số, email, điện thoại, tiền tệ.
 - + Label: Thường dùng để đặt tiêu đề cho biểu mẫu như: Mục I. Thông tin người nộp, Mục II. Thành phần, ...
 - + Textarea: Giống như kiểu text nhưng cho phép điền nội dung nhập liệu nhiều hơn, rộng hơn.
 - + Checkbox: Là các ô có thể check chọn, thường dùng cho các điều kiện chọn như giới tính, hình thức, ...
 - + Date: Ô nhập liệu dạng ngày tháng năm, có thể chọn từ lịch hoặc nhập tay theo định dạng.
 - + Radio giống như Checkbox.
 - + Select: Danh sách chọn, thường dùng cho các danh mục tỉnh thành, quận huyện, phường xã, dân tộc, ngành nghề có sẵn trên hệ thống, chỉ cấu hình thêm thì có thể lấy được danh sách này.
 - + Listbox tương tự như Select nhưng ở List thì Admin phải tự điền dữ liệu vào Listbox để người dùng chọn, dùng cho trường hợp danh sách lựa chọn ít và chưa có sẵn trên hệ thống.
 - + Table: Thường dùng cho kiểu dữ liệu nhập bảng có nhiều dòng, nhiều cột và số dòng tùy ý.



Vị trí:

- (1) Là 1 column, khi khởi tạo biểu mẫu thì sẽ có sẵn 1 col, người dùng sẽ phải chọn col này để thêm vào các col khác và row khác. Có Col và nhấp chọn Col thì mới thêm được Element.
- (2) Là 1 Row. Nhấp chọn Row thì mới thêm được Element.
- (3) Là các Element thêm vào các Row và Col.

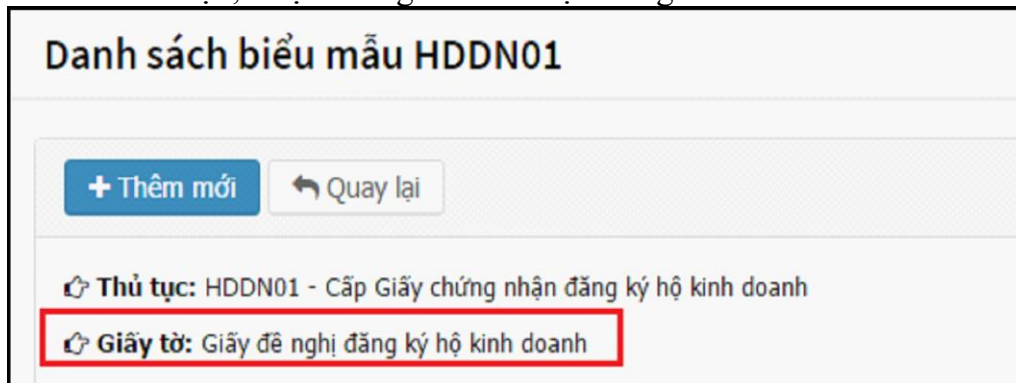
CHƯƠNG 2: THÊM MỚI BIỂU MẪU

- ❖ **Bước 1:** Chọn Menu [Quản trị thủ tục] => chọn [Danh mục thủ tục]
- ❖ **Bước 2:** Nhấp vào tên thủ tục có giấy tờ cần tạo biểu mẫu
- ❖ **Bước 3:** Hệ thống hiển thị giấy tờ của thủ tục, tại giấy tờ cần tạo, ở cuối dòng nhấp vào ô vuông màu xám nhạt, chọn [`</>` Form]



2.1. Tạo biểu mẫu rỗng

- ❖ Sau khi chọn, hệ thống hiển thị trang thiết kế như hình bên dưới:



- ❖ **Bước 4:** Nhấn nút [Thêm mới].

- ❖ **Bước 5:** Chọn ô [Chọn nơi hiển thị], đọc diễn giải kèm theo bên dưới ô để chọn đúng.
- ❖ **Bước 6:** Nhấn chọn [Đồng ý] để tạo biểu mẫu rỗng.

Thêm mới biểu mẫu

Thủ tục: HDDN01 - Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Giấy tờ: Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh

Chọn nơi hiển thị

Hiển thị cả Backend & Frontend

Một biểu mẫu có nơi hiển thị là Frontend & Backend thì công dân và cán bộ có thể sử dụng. Ngược lại, chỉ có cán bộ được sử dụng.

Đồng ý

Quay lại

- ❖ Hiện thị giao diện biểu mẫu rỗng chưa có control như hình bên dưới:

Biểu mẫu của giấy tờ 443 - Đang cập nhật

Thủ tục: HDDN01 - Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Giấy tờ: Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh

#_fs443_col_1

Hiện thị những phần tử chưa có trường dữ liệu

Lưu lại
Áp dụng
Xóa biểu mẫu
Quay lại danh sách
Khác...
Mã biểu mẫu...
Copy

2.2. Thêm Element vào biểu mẫu

- ❖ **Bước 7:** Nhấp chọn vào col có sẵn, sau đó chọn [Add Element] rồi chọn Element để thêm mới hoặc [Column] để thêm một col mới. Tùy vào biểu mẫu mà Quản trị sẽ tạo các ô nhập liệu cho người dùng.
- ❖ **Bước 8:** Thêm Element xong thì có thể Tùy chỉnh cấu hình của Element đó, nhấp vào biểu tượng cây viết màu xanh để mở Properties của Element:

Thủ tục: HDDN01 - Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Giấy tờ: Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh

chọn cây viết màu xanh

Họ và tên

Chỉnh Element

Hiện thị những phần tử chưa có trường dữ liệu

Lưu lại
Áp dụng
Xóa biểu mẫu
Quay lại danh sách
Khác...
Mã biểu mẫu...
Copy

+ Add Element | Element Property | Fieldset Property

TEXT PROPERTY

Name	_fs443_text_2
Wrapper class	form-group text active
Wrapper style	
Label	Họ và tên
Type	text
Default value	
Required	No
Marks mandatory	Yes
Filters	no filter
Validator	no validator
Valid name	
Column refer	-- Nothing selected --
Element ID	_fc_fs443_text_2
Element Name	_fs443_text_2
Element class	form-control
Element style	
Disabled	No
Readonly	No
Autocomplete	Default
Placeholder	
Element title	
Bindby	
Bind name	
Auth element	
Valid element required	
Bind index	0

2.3. Chỉnh sửa Element (PROPERTY)

- ❖ Một số thuộc tính của Element Quản trị được phép thay đổi như:
 - + Label: Tên của Element
 - + Type: Ràng buộc dữ liệu nhập của ô
 - + Default value: Giá trị mặc định có sẵn của ô
 - + Required: Bắt buộc hoặc không bắt buộc có dữ liệu cho ô này
 - + Filters: Cho phép tự động viết hoa khi nhập dữ liệu vào ô
 - + Column refer: Gán giá trị ô này vào biến IDS sinh ra bởi hệ thống. Ô này sẽ hiện lên danh sách tiêu chí search để chọn lựa. Chỉ sử dụng khi có tạo file xuất GCN từ biểu mẫu.
 - + Element class, Element style: cấu hình màu sắc, kiểu chữ, font chữ cho element như: font-color: blue, text-transform: uppercase, ...
 - + Bindby, Bind name: Chỉ SelectBox mới sử dụng thuộc tính này, dùng để kết nối với Element khác để lấy dữ liệu như chọn quận huyện theo tỉnh thành, chọn phường xã theo quận huyện. Xem thêm hướng dẫn cấu hình SelectBox ở mục sau.
- ❖ **Bước 9:** Sau khi chỉnh sửa Element, phải nhấn nút [Lưu lại] để web lưu dữ liệu. Nhấn nút [Áp dụng] để hiển thị đến người dùng.
- ❖ Nếu đang chỉnh sửa mà muốn quay trở lại ban đầu từ lúc chỉnh sửa thì nhấn F5 hoặc Refresh trang web, Element sẽ trở lại lúc đầu chưa chỉnh sửa.

2.4. Cấu hình select box lấy danh mục có sẵn

- ❖ Hệ thống có sẵn một số danh mục như tỉnh thành, quận huyện, phường xã, dân tộc, ngành nghề. Vì thế khi tạo Element cho người dùng nhập liệu thì có thể cấu hình cho người dùng chọn mà không phải gõ tay, tiết kiệm được thời gian nhập liệu hồ sơ.
- ❖ Việc cấu hình các SelectBox này cũng cần theo nguyên tắc thì mới có thể lấy được danh mục từ hệ thống.
- ❖ Cách thực hiện cấu hình thuộc tính cho SelectBox tỉnh/thành, quận/huyện, phường/xã:
 - + **Bước 1:** Property Element Tỉnh/thành trước. Chú ý các ô:
 - Bind name: Điền đúng code là **P_MA_TINH_THANH**
 - Select Item URL: Điền đúng đường dẫn như hình: *model/htmlOption/dm_tinh_thanh*
 - Element ID: Nhớ ID này.

SELECT PROPERTY	
Name	_fs442_select_1
Wrapper class	form-group select
Wrapper style	
Label	Tỉnh/thành
Default value	
Required	No
Marks mandatory	Yes
Valid name	
Bind name	P_MA_TINH_THANH
Column refer	Tỉnh/thành
Select item data	1 item
Select item URL	model/htmlOption/dm_tinh_thanh
Bindby	
Bind constraint	Sequence
Valid element required	
Bind index	0
Element ID	_fc_fs442_select_1
Element Name	_fs442_select_1
Element class	form-control
Element style	
Disabled	No
Element title	

+ **Bước 2:** Sau đó đến Property Element Quận/huyện. Chú ý các ô:

- Bind name: Điền đúng code là **P_MA_QUAN_HUYEN**
- Select Item URL: Điền đúng đường dẫn như hình: *model/htmlOption/dm_quan_huyen*
- Bindby: Điền Element ID của Element Tỉnh/thành ở trên theo cú pháp: **#Element ID**.
- Element ID: Nhớ ID này.

SELECT PROPERTY	
Name	_fs442_select_2
Wrapper class	form-group select
Wrapper style	
Label	Quận/huyện
Default value	
Required	No
Marks mandatory	Yes
Valid name	
Bind name	P_MA_QUAN_HUYEN
Column refer	Quận huyện
Select item data	1 item
Select item URL	model/htmlOption/dm_quan_huyen
Bindby	#_fc_fs442_select_1
Bind constraint	Sequence
Valid element required	
Bind index	0
Element ID	_fc_fs442_select_2
Element Name	_fs442_select_2
Element class	form-control
Element style	
Disabled	No
Element title	

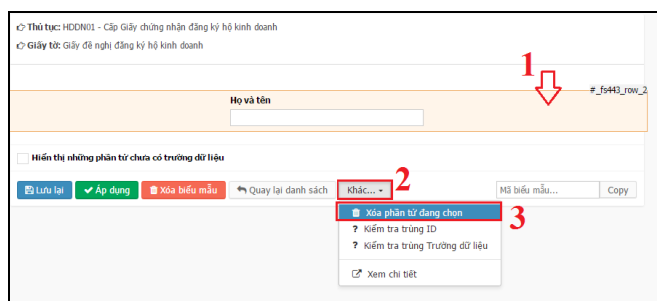
+ **Bước 3:** Cuối cùng là Property Element Phường/xã. Chú ý các ô:

- Bind name: Điền đúng code là **P_MA_PHUONG_XA**
- Select Item URL: Điền đúng đường dẫn như hình: *model/htmlOption/dm_phuong_xa*
- Bindby: Điền Element ID của Element Tỉnh/thành, Quận/huyện ở trên theo cú pháp: **#Element ID, #Element ID**

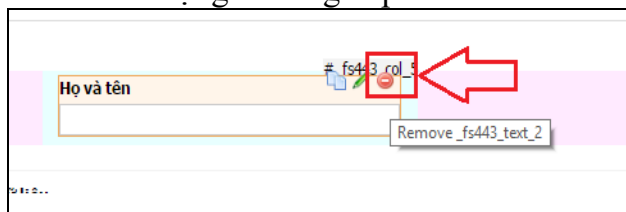
SELECT PROPERTY	
Name	_fs442_select_3
Wrapper class	form-group select
Wrapper style	
Label	Phường/xã
Default value	
Required	No
Marks mandatory	Yes
Valid name	
Bind name	P_MA_PHUONG_XA
Column refer	Phường/xã
Select item data	1 item
Select item URL	model/htmlOption/dm_phuong_xa
Bindby	#_fc_fs442_select_1, #_fc_fs442_select_
Bind constraint	Sequence
Valid element required	
Bind index	0
Element ID	_fc_fs442_select_3
Element Name	_fs442_select_3
Element class	form-control
Element style	
Disabled	No
Element title	

2.5. Xóa Row – Control - Element

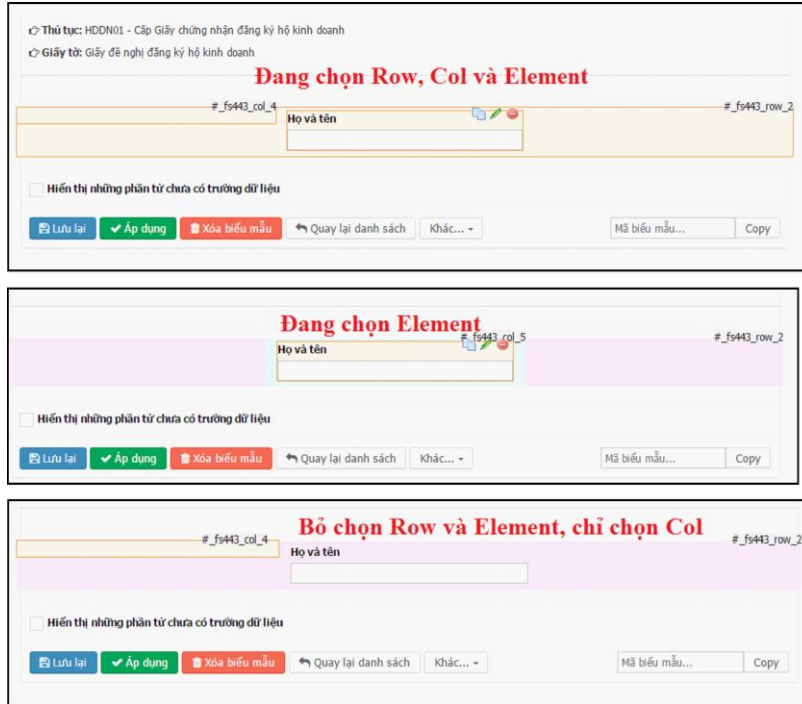
- ❖ Với Row, Col: Nhấn chọn => Nhấn nút [Khác] bên dưới => Chọn [Xóa phần tử đang chọn].



- ❖ Với Element: Nhấn biểu tượng xóa ở góc phải của Element (kể nút Edit).



- ❖ Lưu ý khi xóa Element: Chỉ chọn đúng đối tượng cần xóa, vì hệ thống có thể chọn 2, 3 Row/Col cùng một lúc nên sẽ dẫn đến chọn đối tượng này dính đến đối tượng khác.
- ❖ Cách bỏ chọn đối tượng là Row/Col: Bấm vào Row/Col lần nữa, khi Row/Col không xuất hiện màu đỏ xung quanh viền là đã bỏ chọn:



2.6. Xóa biểu mẫu

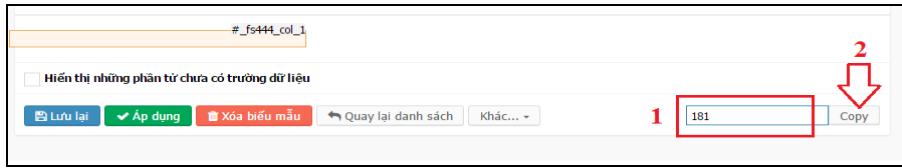
- ❖ Nếu không muốn xóa từng Element thì có thể xóa biểu mẫu đang chỉnh sửa. Chọn nút [Xóa biểu mẫu] bên dưới để xóa.



2.7. Copy biểu mẫu có sẵn

- ❖ Mỗi biểu mẫu đều có một ID để phân biệt trên hệ thống. Giống như Copy Quy trình, chỉ cần điền ID của Biểu mẫu thì có thể copy để dùng cho giấy tờ hoặc thủ tục khác.
- ❖ Điền ID của biểu mẫu và nhấn nút Copy như hình bên dưới:

ID	Loại biểu mẫu	Ngày cập nhật	Ngày áp dụng	Nơi liên hệ	Trạng thái
89	Biểu mẫu của giấy tờ	18/07/2016 16:58:25	18/07/2016 16:58:25	Backend & Frontend	Đang sử dụng



- ❖ Nhấn nút [Lưu lại] để Lưu mà *không hiển thị* cho người dùng.
- ❖ Nhấn nút [Áp dụng] để Lưu và *hiển thị* cho người dùng.
- ❖ Biểu mẫu sau khi được copy thì không cần phải gán lại Tiêu chí search, vì chúng sẽ lấy Tiêu chí search từ Biểu mẫu gốc để dùng. Khi đó, các Element sẽ sinh ra các IDS khác với IDS của Biểu mẫu gốc. Còn các thuộc tính của Element thì Quản trị có thể chỉnh sửa lại cho phù hợp với Biểu mẫu được copy.

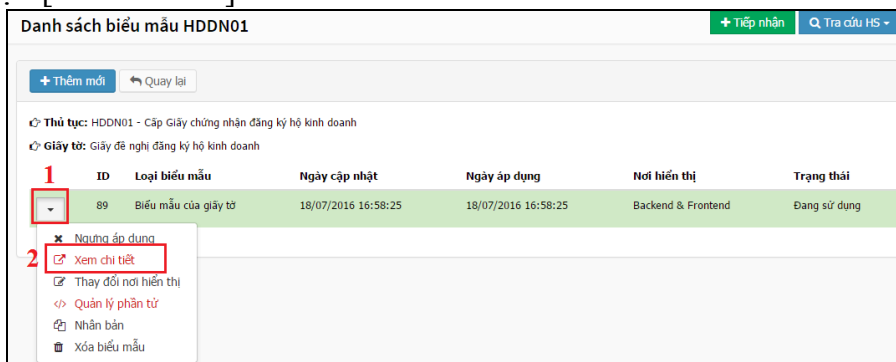
CHƯƠNG 3: GÁN TIÊU CHÍ SEARCH CHO BIỂU MẪU

3.1. Bước 1 - tạo tiêu chí search

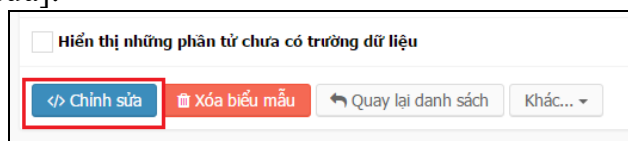
- ❖ Chọn Menu [Quản trị danh mục] => chọn [Danh mục tiêu chí search]
- ❖ Tại ô Lĩnh vực chọn đúng [Lĩnh vực] cần tạo tiêu chí search
- ❖ Chọn [THÊM]
- ❖ Điền thông tin cần thiết để tạo tiêu chí search, với:
 - + Tên trường dữ liệu: Người dùng tự đặt, không chứa ký tự đặc biệt. Thường đặt theo tên các chữ cái đầu ghép lại và viết tiếp theo sau dấu "_". Ví dụ: IDS_HT với HT là họ tên.
 - + Mô tả: Người dùng tự đặt, ghi tên đầy đủ và rõ ràng. Ví dụ: Họ và tên.
 - + Lĩnh vực (*): Bắt buộc chọn. Quản trị chọn đúng Lĩnh vực đang có thủ tục – giấy tờ cần tạo biểu.
 - + Thứ tự hiển thị: Là thứ tự hiển thị trong danh sách tiêu chí search.
 - + Trạng thái: Trạng thái hiển thị, Mở hoặc Đóng.
 - + **Lưu ý:** Mỗi Element chỉ được gán cho 1 tiêu chí search.

3.2. Bước 2 – gán tiêu chí search cho element

- ❖ Mở biểu mẫu cần gán tiêu chí search.
- ❖ Chọn [Xem chi tiết] biểu mẫu.




- ❖ Chọn [Chỉnh sửa]:



- ❖ Tại Element cần gán, chọn biểu tượng cây viết để mở Properties của Element
- ❖ Hệ thống hiện bảng Properties ở bên phải màn hình. Tại ô [Column refer], người dùng chọn trong danh sách các tiêu chí search đã tạo ở bước 1.
- ❖ **Lưu ý:** Tiêu chí search nào đã được gán control thì sẽ không hiển thị trong danh sách này.

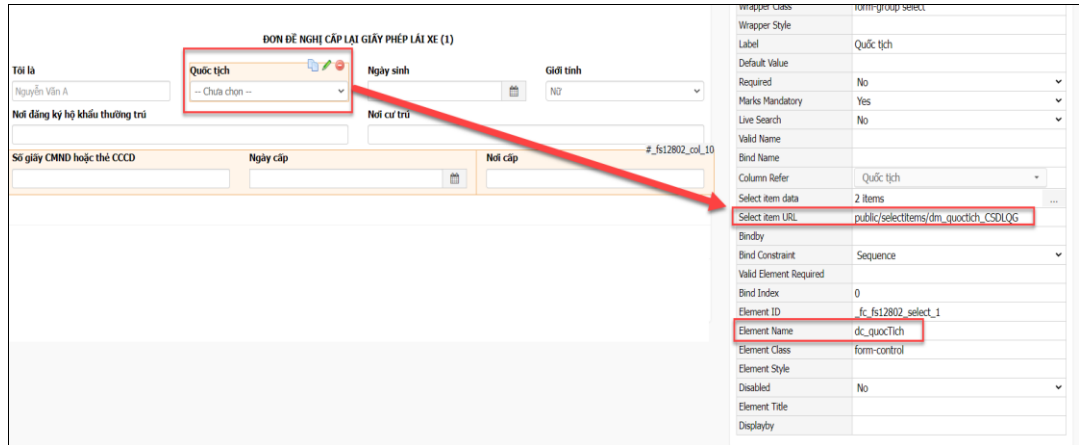
3.3. Bước 3 – gán thông tin công dân từ csdlqg về dân cư

- ❖ Điền các giá trị của công dân như: Tên công dân, Ngày sinh công dân, Số CMND công dân, Số CCCD công dân, Quốc tịch,... vào ô “**Element Name**”. Ví dụ thêm giá trị **Tên công dân = dc_tenCongDan** vào ô Element name.

- ❖ Click vào biểu tượng  vào được nội dung chỉnh sửa, thêm **dc_tenCongDan** vào ô Element name (*tham khảo bảng Danh mục giá trị để gán các dữ liệu từ CSDL về Dân cư vào Element name - trang 13*)

TEXT PROPERTY	
Name	_fs12802_text_2
Wrapper Class	form-group text
Wrapper Style	
Label	Tôi là
Type	text
Default Value Source	Text
Default Value	
Required	No
Marks Mandatory	Yes
Filters	no filter
Validator	no validator
Valid Name	
Column Refer	Tôi là
Element ID	_fc_fs12802_text_2
Element Name	dc_tenCongDan
Element Class	form-control
Element Style	
Disabled	No
Readonly	No
Autocomplete	Default
Placeholder	Nguyễn Văn A
Element Title	
Bindby	
Bind Name	
Auth Element	
Valid Element Required	
Select item URL	ex: model/htmloption/DM_TINH_THANH
Bind Index	0
Event Listeners	0 event
Displayby	

- ❖ Trường hợp cần lấy danh mục từ CSDLQG về Dân cư như: Dân tộc, Tôn giáo, Quốc tịch, Mọi quan hệ, Tỉnh thành/quận huyện/phường xã, thì cần thêm link cấu vào **Select item URL** tương ứng cho từng loại.
Ví dụ bên dưới là cấu hình danh mục quốc tịch.



Tên giao: **public/selectitems/dm_tongiao_CSDLQG**

Dân tộc: **public/selectitems/dm_dan_toc_CSDL**

Quốc tịch: **public/selectitems/dm_quoctic_CSDLQG**

Mối quan hệ với chủ hộ: **public/selectitems/dm_moiquanhe_CSDLQG**

Tỉnh thành: **public/selectitems/dm_tinh_thanh**

Quận huyện: **public/selectitems/dm_quan_huyen**

Phường xã: **public/selectitems/dm_phuong_xa**

- ❖ Trường hợp lấy danh mục thủ công như nhóm máu, tình trạng hôn nhân, giới tính thì cần làm thêm danh mục như sau:

Vào **Select item URL** để thêm các thông tin tương ứng

Nhóm máu:

Mã	Tên
01	Nhóm máu A
02	Nhóm máu B
03	Nhóm máu AB
04	Nhóm máu O
00	Chưa có thông tin

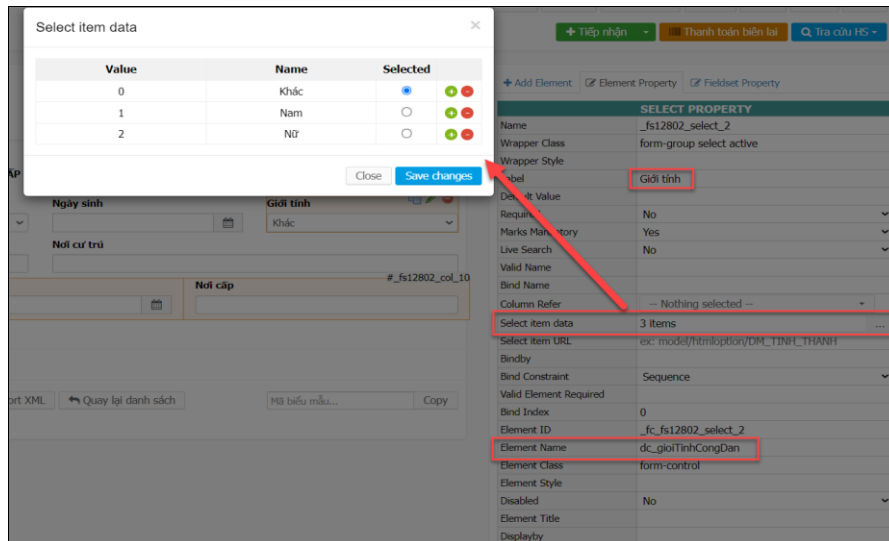
Tình trạng hôn nhân:

Mã	Tên
1	Chưa kết hôn
2	Đã kết hôn
3	Ly hôn

Giới tính:

Mã	Tên
	Khác
0	Nữ
1	Nam

Ví dụ mục giới tính được thêm các thông tin như hình bên dưới



- ❖ Chọn nút [Lưu lại] để hệ thống lưu tiêu chí search và các Element đã gán, chọn nút [Áp dụng] để hệ thống hiển thị biểu mẫu này cho người dùng sử dụng.
- ❖ Sau khi [Áp dụng] thì mỗi Element được gán tiêu chí search sẽ sinh ra một biến dạng IDS+số. Biến này được sử dụng để lấy dữ liệu của Element khi xuất ra tệp tin với mẫu Giấy chứng nhận hoặc Giấy phép do Quản trị tạo file.

CÁC TRƯỜNG DỮ LIỆU ĐÃ SỬ DỤNG
 31/31 phần tử

ID_SEARCH_NGAY_CAP_CMND (IDS1)
 ID_SEARCH_SO_DIEN_THOAI (IDS2)
 ID_SEARCH_SO_NHA_DK_KINH_DOANH (IDS3)
 ID_SEARCH_TINH_THANH_DK_KINH_DOANH (IDS4)
 ID_SEARCH_QUAN_HUYEN_DK_KINH_DOANH (IDS5)
 ID_SEARCH_PHUONG_XA_DK_KINH_DOANH (IDS6)
 ID_SEARCH_FAX (IDS7)
 ID_SEARCH_EMAIL (IDS8)
 ID_SEARCH_WEBSITE (IDS9)
 ID_SEARCH_NGANH_NGHE_KINH_DOANH (IDS10)
 ID_SEARCH_VON_KINH_DOANH (IDS11)
 ID_SEARCH_HO_VA_TEN_DAI_DIEN_HO_KINH_DOANH (IDS12)

❖ **Lưu ý:** Danh mục giá trị để gán các dữ liệu từ CSDL về Dân cư vào Element name

STT	Giá trị điền vào Element name	Diễn giải
1	dc_tenCongDan	Tên công dân
2	dc_ngaySinhCongDan	Ngày sinh công dân
3	dc_soCmnd	Số CMND công dân
4	dc_diaChi	Địa chỉ
5	dc_soSoHoKhau	Số sổ hộ khẩu
6	dc_hoVaTenCha	Họ Tên Cha
7	dc_hoVaTenMe	Họ Tên Mẹ
8	dc_hoVaTenVoChong	Họ Tên Vợ, Chồng
9	dc_hoVaTenChuHo	Họ và tên chủ hộ
10	dc_CCCDCha	Số CCCD Cha

STT	Giá trị điền vào Element name	Diễn giải
11	dc_CCCDMe	Số CCCD Mẹ
12	dc_CCCDVoChong	Số CCCD Vợ, Chồng
13	dc_CCCDNguoiDaiDien	Số CCCD Người đại diện
14	dc_CCCDChuHo	Số CCCD Chủ hộ
15	dc_CMNDCha	Số CMND Cha
16	dc_CMNDMe	Số CMND Mẹ
17	dc_CMNDVoChong	Số CMND Vợ, Chồng
18	dc_CMNDChuHo	Số CMND Chủ hộ
19	dc_diaChiDKKS	Địa chỉ đăng ký khai sinh
20	dc_diaChiQueQuan	Địa chỉ quê quán
21	dc_diaChiDCTT	Địa chỉ thường trú
22	dc_diaChiNOHT	Địa chỉ tạm trú
23	dc_mqhVoChong	Mối quan hệ Vợ Chồng
24	dc_CCCDCongDan	Số CCCD công dân
25	dc_maTinhThanh	Mã tỉnh thành
26	dc_maQuanHuyen	Mã quận huyện
27	dc_maPhuongXa	Mã xã phường
28	dc_gioiTinhCongDan	Giới tính
29	dc_danTocCongDan	Dân tộc
30	dc_quocTich	Quốc tịch
31	dc_tonGiao	Tôn giáo
32	dc_nhomMau	Nhóm máu
33	dc_honNhan	Tình trạng hôn nhân
34	dc_mqhChuHo	Mối quan hệ với chủ hộ

CHƯƠNG 4: TẠO FILE MẪU XUẤT GCN/GP/TK

4.1. Tạo file

- ❖ Mỗi giấy tờ chỉ xuất được 1 file như tờ khai, mẫu đơn. Ví dụ về một mẫu giấy tờ Đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ	
Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	
Kính gửi: (1)	
1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản:.....	
2. Địa chỉ:	
Số điện thoại:	
Số fax:	
Email:	
3. Tên tài liệu:.....	
4. Nội dung tóm tắt của tài liệu:	
.....	
Chúng tôi cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép xuất bản, thực hiện việc in/đăng tải đúng nội dung tài liệu tại cơ sở in có giấy phép in xuất bản phẩm và tuân thủ các quy định pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ.	
NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU CƠ QUAN/TỔ CHỨC	
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	

- ❖ **Bước 1:** Mở file mẫu đã có định dạng sẵn. Mẫu này có sẵn thiết kế, canh lề, font chữ, màu sắc. Có thể do cơ quan cung cấp hoặc Quản trị tự thiết kế theo ý của cơ quan.
- ❖ **Bước 2:** Ở những chỗ cần hiển thị dữ liệu từ Biểu mẫu, điền các IDS+số (đã sinh khi gán tiêu chí search – Xem Chương 3).
- ❖ **Bước 3:** File phải được lưu lại có đuôi **.docx**
- ❖ Ví dụ một mẫu file GCN đã điền biến IDS như sau:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

Kính gửi: \${IDS1}|..... (1)

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản: \${IDS2}

2. Địa chỉ: \${IDS3}

Số điện thoại: \${IDS4}

Số fax: \${IDS5}

Email: \${IDS6}

3. Tên tài liệu: \${IDS7}

4. Nội dung tóm tắt của tài liệu: \${IDS8}

.....

Chúng tôi cam kết thực hiện thực hiện đúng nội dung giấy phép xuất bản, thực hiện việc in/đăng tải đúng nội dung tài liệu tại cơ sở in có giấy phép in xuất bản phẩm và tuân thủ các quy định pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ.

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- ❖ Lưu ý: Định dạng mẫu thế nào thì sẽ xuất file như vậy, dữ liệu lấy từ biến IDS thì trên Biểu mẫu hiển thị như thế nào thì cũng xuất ra y như vậy.

4.2. Đính kèm file vào giấy tờ

- ❖ **Bước 1:** Vào menu [Quản trị thủ tục/Danh mục thủ tục].
- ❖ **Bước 2:** Chọn đúng giấy tờ cần cấu hình và chọn vào **“Template”** để mở giao diện cấu hình biểu mẫu xuất ra. Trong trường hợp nếu chưa có cấu hình biểu mẫu để xuất file thì thực hiện thêm mới.

Tên loại giấy tờ	Quy trình áp dụng	Hình thức	Số bản	Bắt buộc	Kiểu nhập	Thứ tự	Thao tác
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT BẢN TÀI LIỆU KHÔNG KINH DOANH (*)		Bản chính	1	Giấy và File	ALL	100	1
Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và gộp lại gộp các trang bản thảo hoặc 01 bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ		Bản chính	2				2

Sửa

Xoá

</> Form

Template

Cấu hình định dạng giấy tờ

- ❖ **Bước 3:** Nhấn nút [Thêm] => Điền thông tin vào form => Đính kèm file mẫu => Nhấn nút [Cập nhật] để lưu lại.

Cập nhật giấy tờ xuất ra của HDDN01

Từ khóa tìm kiếm...

Mã giấy tờ xuất ra Tên giấy tờ xuất ra Loại giấy tờ xuất ra Trạng thái + Thêm

Không có dữ liệu

Hiển thị từ 0 đến 0 của 0 dòng

Thông tin mẫu giấy tờ

Tên giấy tờ xuất ra (*)
Đơn đề nghị

Loại giấy tờ xuất ra (*)
Mẫu đơn

Cách sử dụng (*)
Upload file

Tệp giấy tờ (*)
Chọn tệp Don_de_nghi.docx

Trạng thái (*)
Mở

Cho công dân xuất template (*)
Cho phép

Cập nhật Bỏ qua

CHƯƠNG 5: QUY TRÌNH CẤU HÌNH XUẤT FILE TỪ BIỂU MẪU

- ❖ **Bước 1:** Tạo biểu mẫu cho thủ tục hoặc giấy tờ (Chương 2).
- ❖ **Bước 2:** Tạo và gán tiêu chí search cho Biểu mẫu đã tạo (Chương 3).
- ❖ **Bước 3:** Tạo file mẫu xuất GCN/GP/TK (Chương 4) => Bước này cho phép xuất giấy tờ hay không, nếu Trạng thái Giấy tờ xuất ra là Đóng thì không thể IN GCN/GP/TK.
- ❖ **Bước 4:** Đính kèm file mẫu vào thủ tục hoặc giấy tờ để xuất ra GCN/GP/TK (Chương 4).

- ❖ **Bước 5:** Cấu hình thủ tục ở ô [Cho phép thống kê] chọn **Có** (Tại menu [Quản trị thủ tục/Danh mục thủ tục/Sửa] => Bước này để cho phép hiển thị giá trị của biến IDS lên giấy chứng nhận khi xuất ra.

CHƯƠNG 6: QUY TẮC ĐẶT BIẾN TRONG FILE MẪU XUẤT RA

6.1. Biến lấy từ biểu mẫu

- ❖ Do có nhiều loại Element nên mỗi loại Element sẽ có nguyên tắc đặt biến trên file mẫu GCN/GP khác nhau. Nếu đặt khác đi nguyên tắc này, sẽ không thể lấy dữ liệu đã điền trên ô Biểu mẫu.

- ❖ Quy tắc đặt biến lấy từ Biểu mẫu như sau:

- Để lấy giá trị của element kiểu Date - kiểu ngày giờ sử dụng cú pháp **.format** trong đó **format** là cú pháp định dạng để lấy thông tin ngày giờ trong ngôn ngữ lập trình PHP. Tham khảo tại: <http://php.net/manual/en/function.date.php>
- Để lấy giá trị của ngày giờ hiện tại ta sử dụng từ khóa **CDT** cùng với cú pháp tương ứng (Vd: CDT.d, CDT.m, CDT.Y,...). Ví dụ: Ngày $\{CDT.d\}$ tháng $\{CDT.m\}$ năm $\{CDT.Y\}$.
- Để lấy giá trị của element kiểu Text ta sử dụng giá trị $\{IDS+Số\}$ để tham chiếu đến trường dữ liệu tương ứng.
 - ✓ Với element Text theo kiểu tiền tệ thì sử dụng cú pháp: $\{IDS+Số.Read\}$ để tham chiếu đến số tiền bằng chữ ví dụ như: Hai trăm nghìn đồng.
- Để lấy giá trị của element kiểu Table ta sử dụng $\{IDS+Số+c+Số\}$ thứ-tự-của-cột, số cột được đánh từ 0 theo thứ tự từ trái qua phải của bảng (VD: IDS6c0, IDS6c1, ...).
- Để lấy giá trị của element kiểu List người dùng sẽ vẽ ra bảng 1 cột 1 dòng và đặt biến với cú pháp $\{IDS+Số\}$ Ví dụ:

$\{IDS1\}$

- Với element kiểu **Select** ta sử dụng cú pháp $\{IDS+Số.Text\}$ để tham chiếu đến giá trị được lựa chọn trong ô.
- Với element kiểu Date tùy theo giá trị cần sử dụng, sử dụng một trong các cú pháp sau:
 - ✓ $IDS + \langle Mã số \rangle .d$ để hiển thị ngày
 - ✓ $IDS + \langle Mã số \rangle .m$ để hiển thị tháng
 - ✓ $IDS + \langle Mã số \rangle .Y$ để hiển thị năm
 - ✓ $IDS + \langle Mã số \rangle .j.Read$ để tham chiếu đến giá trị text của ngày theo dạng “Một”
 - ✓ $IDS + \langle Mã số \rangle .j.Readlc$ để tham chiếu đến giá trị text của ngày theo dạng “một”

- ✓ **IDS + <Mã số> .n.Read** để tham chiếu đến giá trị text của tháng theo dạng chữ cái đầu viết hoa “Mười hai”
 - ✓ **IDS + <Mã số> .n.Readlc** để tham chiếu đến giá trị text của tháng theo dạng chữ viết thường “mười hai”
 - ✓ **IDS + <Mã số> .Y.Read** để tham chiếu đến giá trị text của năm theo dạng chữ cái đầu viết hoa “Hai nghìn không trăm mười sáu”
 - ✓ **IDS + <Mã số> .Y.Readlc** để tham chiếu đến giá trị text của năm theo dạng chữ viết thường “hai nghìn không trăm mười sáu”
 - ✓ Hoặc tham khảo cú pháp khác tại website:
<http://php.net/manual/en/function.date.php>
- Trường hợp Form Element là kiểu Select ta sử dụng **#{IDS+Số.Text}** để tham chiếu đến giá trị text của selected option.
 - Chuyển đổi giá trị của biến thành kiểu chữ thường ở chữ đầu dùng cú pháp: **#{IDS+số.Textlcf}**

6.2. Biến lấy từ hồ sơ

- ❖ Ngoài các biến lấy từ các Element của Biểu mẫu thì còn có thể lấy biến từ hồ sơ. Nghĩa là có một số file GCN/GP cần lấy ra dữ liệu giống với thông tin người nộp hồ sơ, vì nếu tạo Biểu mẫu để nhập liệu thì phải nhập hai lần dẫn đến mất thời gian. Vì thế hệ thống cho phép lấy thông tin từ các ô ở form tạo hồ sơ.
- ❖ Quy tắc đặt biến lấy thông tin từ hồ sơ người nộp theo định dạng **#{mã ký hiệu}**:

STT	MÃ KÝ HIỆU	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	GHI CHÚ
1	HS1	Số hồ sơ	String	
2	HS2	Số GCN, Số giấy phép, ...	String	
3	HS3	Tên lãnh đạo ký	String	
4	HS4	Chức vụ lãnh đạo ký	String	Đối với trường hợp kiêm nhiệm mã ký hiệu sẽ là HS4.<STT Thuộc tổ chuyên môn>
5	HS5	Ngày lãnh đạo ký	Date	
6	HS6	Họ tên công dân nộp	String	
7	HS7	Tên cơ quan tổ chức nộp	String	
8	HS8	Số CMND công dân nộp	String	
9	HS9	Ngày cấp CMND công dân nộp	Date	

10	HS10	Nơi cấp CMND công dân nộ	String	
11	HS11	Tên Tỉnh/TP người nộ	String	
12	HS12	Tên Quận/Huyện người nộ	String	
13	HS13	Tên Phường/Xã/Thị Trấn người nộ	String	
14	HS14	Số nhà/Đường/Ấp/Thôn/Xóm người nộ	String	
15	HS15	Số điện thoại công dân nộ	String	
16	HS16	Số fax công dân nộ	String	
17	HS17	Email công dân nộ	String	
18	HS18	Website công dân nộ	String	
19	HS19	Về việc	String	
20	HS20	Tên lĩnh vực thủ tục	String	
21	HS21	Tên thủ tục	String	
22	HS22	Ghi chú	String	
23	HS23	Giấy tờ khác	Array	Không hỗ trợ tạo GCN/GP
24	HS24	Tên cơ quan tiếp nhận	String	
25	HS25	Tên đơn vị tiếp nhận	String	
26	HS26	Ngày giờ nhận hồ sơ	Date	
27	HS27	Ngày giờ hẹn trả kết quả	Date	
28	HS28	Thời gian quy định hồ sơ	Float	Sử dụng cú pháp .D hoặc .H để lấy thời gian theo ngày hoặc giờ tương ứng
29	HS29	Tên cán bộ tiếp nhận hồ sơ	String	
30	HS30	Số lượng hồ sơ đã nộ	String	
31	HS31	Thành phần hồ sơ	Zend/Stdlib/ArrayObject	Không hỗ trợ tạo GCN/GP